TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/DS-PT
Ngày: 26-6-2023
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Ngô Tấn Lợi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2023/TLPT- DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Nguyễn Thị O, sinh năm 1968. (Có mặt)

1.2. Đào Thị Đ, sinh năm 1927 (chết).

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: ấp Hòa K, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đào Thị Đ:

1.2.1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, thị trấn V, huyện V, Thành phố C.

1.2.2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1951 (chết).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, thị trấn V, huyện V, Thành phố C.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn D.*

1.2.2.1. Trần Thị B, sinh năm 1950. (Vắng mặt)

1.2.2.2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh T, thị trấn V, huyện V, Thành phố C.

1.2.2.3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh T, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh K.

1.2.2.4. Nguyễn Văn A, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.2.2.5. Nguyễn Thị E, sinh năm 1957. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.2.2.6. Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh T, thị trấn V, huyện V, Thành phố C.

1.2.2.7. Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long K, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.2.2.8. Nguyễn Thị O, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa K, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Võ Thị L, sinh năm 1946 (chết).

2.2. Đặng Công T, sinh năm 1968. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* của cụ *Võ Thị L:*

2.2.1. Đặng Thành C, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.2. Đặng Công T, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.3. Đặng Thị Th, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.4. Đặng Hùng C, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.5. Đặng Văn L, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.6. Đặng Văn S, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.7. Đặng Trường X, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đặng Văn S, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

3.2. Đặng Trường X, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

3.3. Nguyễn Thị X, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Võ Văn H, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

3.5. Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

3.6. Nguyễn Minh T, sinh năm 2003. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Trần Thị M, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

3.8. Trương Văn N, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

3.9. Trương Ngọc T, sinh năm 2004. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Cao Thị L, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

3.11. Đặng Thị Kim L, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

3.12. Đặng Văn C, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

3.13. Đặng Minh L, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Hồ Thị N, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

3.15. Đặng Thị T, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

3.16. Hồ Thị Tường V, sinh năm 2004. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.17. Lê Thị V, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

3.18. Đặng Minh H, sinh năm 2005. (Vắng mặt)

3.19. Đặng Minh N, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.20. Võ Thị Kiều T, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

3.21. Đặng Tấn S, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.22. Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân K, xã Tân T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.23. Huỳnh Khánh T, sinh năm: 2004. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa K, xã Vĩnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị O là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị O, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đào Thị Đ trình bày:

Cụ Đ chết vào ngày 05/6/2017, cụ Đ có 08 người con gồm: 1/-Nguyễn Văn Q; 2/- Nguyễn Văn D (chết); 3/- Nguyễn Thị T; 4/- Nguyễn Văn A; 5/- Nguyễn Thị E; 6/- Nguyễn Thị L; 7/- Nguyễn Thị Th; 8/- Nguyễn Thị O.

Nguồn gốc các thửa đất số 586, diện tích 334m^2 và thửa đất số 587, diện tích 661m^2 cùng tờ bản đồ 2 tọa lạc tại xã Tân T là của cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn H (chết năm 2003) và cụ Đào Thị Đ (chết năm 2017) sử dụng trước năm 1980, đến năm 2003 Ủy ban huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Đ, đến năm 2008 đổi thành hộ bà O trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất cụ H, cụ Đ và cụ D (chồng cụ L), cụ L có đào chung con mương làm lối dẫn nước trước năm 1980, ngang 1m, dài 44m, hai bên thống nhất cắm ranh đất giữa con mương, trên phần đất giáp với mương ranh cụ H có trồng xoài, dừa, vú sữa,… cách ranh đất giữa hai bên khoảng 2m. Hiện nay các cây trồng đã chết, chỉ còn gốc dừa, gốc cây vú sữa. Năm 2009 hộ cụ L tự ý lắp mương và làm chết cây xoài, vú sửa, dừa, con cụ L là ông T và ông S lấn ranh xây nhà ở trên phần đất của hộ bà, đến năm 2011 bà có khiếu nại đến ấp, xã nhưng hòa giải không thành, sau đó chuyển đến Tòa án.

Trong đơn khởi kiện ngày 4/11/2014, bà O yêu cầu buộc hộ cụ L, ông T, hộ ông S phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc có trên đất trả lại diện tích 132m^2 thuộc một phần thửa đất số 584, 585 cùng tờ bản đồ 2, đất tọa lạc tại xã Tân T; Tại các Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa ngày 20/5/2022, bà O yêu cầu buộc hộ cụ L, ông T, hộ ông S phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc có trên đất trả lại diện tích 143,1m^2 từ mốc M3, M7 về M3 và M13, M27, M19 về M13, thuộc một phần thửa đất số 584, 585 cùng tờ bản đồ 2, ngoài ra không yêu cầu gì khác; Đến ngày 24/5/2022 và tại phiên tòa ngày 22/6/2022, bà O yêu cầu buộc hộ cụ L, ông T, hộ ông S phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc có trên đất trả lại diện tích 123,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 584, 585 cùng tờ bản đồ 2 (nay là thửa 43, tờ bản đồ 41) vì bà không tranh chấp phần ranh đất dưới mé sông mà chỉ tranh chấp phần từ mé lộ đến hết thửa đất của cụ L.

- Bị đơn ông Đặng Công T, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị L trình bày:

Cụ L chết 2019, có 7 người con gồm: 1/- Đặng Thành C; 2/- Đặng Công T; 3/- Đặng Thị Th; 4/- Đặng Hùng C; 5/- Đặng Văn L; 6/- Đặng Văn S; 7/- Đặng Trường X.

Nguồn gốc các thửa đất số 584, diện tích 350m^2 và thửa 585, diện tích 420m^2 cùng tờ bản đồ 02 tọa lạc xã Tân T, là của cha mẹ ông là cụ Đặng Văn D (chết năm 1995) và cụ Võ Thị L (chết năm 2019) sử dụng từ trước 1975, đến ngày 24/5/1995 hộ cụ L được Ủy ban huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước năm 1978, cụ B (ông ngoại ông) có đào con mương dẫn nước từ sông đến hết phần đất, ngang 2,5m dài 45m để lấy nước tưới tiêu, ranh đất giữa các bên là phần mé mương, hai bên có cấm 02 trụ đá từ trước ra sau, hiện nay các trụ đá vẫn còn, cụ Đ có trồng 01 cây dừa và 01 cây vú sữa cách ranh đất khoảng 1m - 1,5m nhưng hiện nay các cây trồng đã chết, còn lại gốc dừa, vú sữa. Năm 1980, anh ông là Đặng Thành C có xây dựng nhà ngang 3,6m, dài 18m bằng cây, lợp tol gần con mương, gia đình cụ Đ và bà O không ai ngăn cản, đến năm 1990 ông C cho gia đình ông sử dụng căn nhà này. Sau đó con mương bị bồi đắp, đến năm 1995 ông sữa chữa xây nhà lại và đến năm 2007, gia đình ông sửa chữa nhà kiên cố như hiện nay, phía bà O không ai ngăn cản. Ông khẳng định sử dụng đúng hiện trạng ranh giới không có lấn chiếm ranh đất của bà O.

Vào năm 2003 Nhà nước làm lộ nông thôn nên cắt đất của ông thành 02 mặt, 01 mặt giáp sông lộ, còn mặt trên giáp lộ, Nhà nước đã sử dụng phần đất của gia đình ông khoảng 30m^2 để làm lộ. Đến năm 2006, hộ cụ L được cấp đổi các thửa đất 584,585 thành thửa 43, tờ bản đồ 41, diện tích 646,3m^2, từ mé lộ vào trong, đo thực tế 572,6m^2. Nay ông không đồng ý trả lại diện tích 123,7m^2 theo yêu cầu của bà O vì hộ ông không có lấn ranh đất mà yêu cầu công nhận ranh giới giữa đất hộ ông với hộ bà O từ mốc M26, M25, M20 về M26, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn D trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà O, bà không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Huỳnh Khanh T trình bày: thống nhất theo ý kiến của bà O, anh không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà O thống nhất Biên bản định giá tài sản ngày 30/11/2021.

Ông T thống nhất sơ đồ đo đạc đất tranh chấp và Biên bản định giá tài sản ngày 30/11/2021.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DSST ngày 22/6/2022 của Tòa án huyện L tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của hộ bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu hộ cụ Võ Thị L, hộ ông Đặng Công T, hộ ông Đặng Văn S phải tháo dỡ di dời nhà, vật kiến trúc có trên đất trả lại diện tích 123,7m^2 thuộc một phần thửa 43, tờ 41, đất tọa lạc tại ấp Tân K, xã Tân H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa giữa hộ bà Nguyễn Thị O và hộ cụ Võ Thị L được xác định từ mốc M26, M25, M20 về mốc M26. theo sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Hộ bà Nguyễn Thị O phải chịu 2.474.000đ (hai triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 594.000đ (năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000523 ngày 23/12/2014 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005988 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hộ bà Nguyễn Thị O còn phải nộp thêm 1.580.000đ (một triệu năm trăm tám chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Hộ bà O phải chịu 9.731.0000đ (chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng), đã nộp xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2022 bà O có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị O vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà O, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc các thửa đất 586, 587 cùng tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã Tân T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Đ vào năm 2003, đến năm 2008 cụ Đ chuyển đổi sang cho hộ bà O đứng tên, đất do ông bà để lại.

Các thửa đất 584, 585, cùng tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ L vào năm 1995, đến năm 2006 cấp đổi sang hệ thống bản đồ chính quy thành thửa 43, tờ bản đồ 41, đất do ông bà để lại. Các phần đất trên hai bên đương sự sử dụng đất ổn định, lâu dài trên 40 năm và hai bên cũng đã đăng ký, kê khai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Hộ bà O và hộ cụ L, ông T, ông S thừa nhận phần tiếp giáp ranh giới giữa các bên có con mương.

Theo bà O cho rằng lúc cha mẹ bà và cha mẹ ông T còn sống có đào chung con mương ngang 1m, dài 44m để sử dụng nước và hai bên cũng thống nhất cắm trụ đá giữa mương làm ranh giới chung, nhưng hiện nay bên cụ L đã lấp mương nên trụ đá ranh không còn và gia đình bà O có trồng dừa, vú sữa trên phần đất của bà, cách ranh đất với hộ cụ L khoảng 2m, hiện nay vẫn còn gốc dừa và gốc vú sữa.

Theo cụ L, ông T cho rằng con mương do gia đình cụ L đào ngang 2,5m dài khoảng 45m, ranh giới tiếp giáp giữa các bên có cắm 02 trụ đá trên phần mé mương giáp đất bà O và hiện nay 02 trụ đá vẫn còn, gia đình cụ L, ông T không có lắp mương như bà O trình bày, con mương này do sử dụng lâu đời nên được bồi đắp như hiện nay.

[2] Theo lời trình bày của hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà O cho rằng con mương do hai bên cùng đào, còn ông T trình bày con mương do gia đình ông đào, nhưng hai bên không có ai cung cấp chứng cứ gì để chứng minh là hai bên có sự thỏa thuận đào mương để sử dụng chung. Tuy nhiên, bà O thừa nhận ranh giới giữa các bên có trụ đá cắm giữa mương, nhưng thực tế bà cũng không xác định được vị trí cụ thể là hiện nay trụ đá nằm ở vị trí nào và bà cũng không chứng minh được ai đã lắp con mương này. Riêng lời trình bày của hộ ông T có căn cứ. Bởi vì, hiện nay 02 trụ đá ranh giới giữa hai bên vẫn còn, những gốc cây như: dừa, vú sữa vẫn còn nằm trên phần đất của bà O, cách ranh giới đất với hộ ông T khoảng 1,5m và hiện nay trên phần đất đang tranh chấp, bên phần đất của cụ L có 02 căn nhà của ông T và nhà của ông S đang ở và ranh giới thửa đất giữa các bên đang sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1980 cho đến nay. Khi con cụ L là ông C xây dựng nhà trên phần đất mà cụ L cho, là phần tiếp giáp với phần ranh giới đất của bà O nhưng tại thời điểm ông C xây dựng, phía bà O cũng không tranh cản hay có tranh chấp gì, cho đến năm 1990 ông C không ở nữa mà giao căn nhà này lại cho em của ông là ông T sử dụng căn nhà này cho đến năm 1995, ông T tiếp tục sửa chữa căn nhà, nhưng phía bà O cũng không có ai ngăn cản hay tranh chấp, đến năm 2007, ông T tiếp tục xây nhà lại kiên cố như hiện nay, bà O cũng không tranh chấp.

Riêng căn nhà của ông S xây dựng vào năm 2017, nằm phía sau nhà ông C cũng tiếp giáp ranh giới giữa hai bên nhưng cũng không có ai đứng ra tranh chấp hay khiếu nại gì và phía các bên cũng đã sử dụng ranh giới ổn định, lâu dài trên 40 năm, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của hộ bà O là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với các Điều 3, Điều 166 và Điều 175 của Luật đất đai.

[3] Theo Công văn số 1985/STNMT-VPĐKĐĐ của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 15/6/2021 và Công văn số 95/UBND-TNMT ngày 14/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện L cung cấp thông tin như sau: Phần đất hộ bà O đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ mé sông L trở vào (không phải từ lộ đal trở vào), phần đất dưới mé sông cha bà O cũng đã chuyển nhượng cho các hộ Võ Văn H, Nguyễn Thị T và con cụ L là ông Đặng Hùng C (ông C cũng đã chuyển lại cho hộ ông Trương Văn N), hiện nay hộ bà O chưa lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần diện tích lộ đal vẫn còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà O đứng tên.

Đối với thửa đất 584, 585 của cụ L được cấp quyền sử dụng đất từ mé sông L trở vào, nhưng hiện nay hộ cụ L cũng đã thực hiện thủ tục cấp đổi theo bản đồ chính quy thành thửa 43, tờ bản đồ 41, diện tích 646,3m^2, qua đo đạc thực tế diện tích là 572,6m^2 (nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ cụ L được cấp là 646,3m^2). Đối với thửa đất 586, 587 của bà O được cấp quyền sử dụng đất diện tích là 995m^2, nhưng qua đo đạc thực tế diện tích là 1.149,2m^2. Như vậy, so với hồ sơ kỹ thuật do Sở Tài nguyên và Môi trường đo đạc thì đất hộ cụ L được cấp từ mé lộ trở vào còn thiếu 73,7m^2, còn diện tích đất của bà O lại thừa, nhưng hộ cụ L không có yêu cầu và ông T cũng thống nhất giữ nguyên ranh giới quyền sử dụng thực tế giữa hai bên có từ năm 1980 cho đến nay theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L là từ mốc M26, M25, M20 về mốc M26 là phù hợp. Vì vậy, xét yêu cầu kháng cáo của bà O là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể, rõ ràng nên điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1; Điều 308; khoản 1; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 203; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị O.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của hộ bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu hộ cụ Võ Thị L, hộ ông Đặng Công T, hộ ông Đặng Văn S phải tháo dỡ di dời nhà, vật kiến trúc có trên đất trả lại diện tích 123,7m^2 thuộc một phần thửa 43, tờ 41, đất tọa lạc tại ấp Tân K, xã Tân H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị O và hộ cụ Võ Thị L được xác định từ mốc M26, M25, M20 về mốc M26 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định từ không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng của ranh đất đã được xác định, tài sản, cây trồng của bên nào lấn chiếm (nếu có) thì phải tháo dở di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 30/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

Hộ bà Nguyễn Thị O phải chịu 2.474.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 594.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000523 ngày 23/12/2014 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005988 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hộ bà Nguyễn Thị O còn phải nộp thêm 1.580.000đ (một triệu năm trăm tám chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Hộ bà Nguyễn Thị O phải chịu 9.731.0000đ (chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng), bà O đã nộp xong.

6. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0006241, ngày 11/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp (bà O đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội